

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-41
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-41



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Thái Dương	Chủ tịch
Ông Mai Chiến Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Ngô Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Chiến Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Minh Tuấn	Trưởng ban
Ông Hoàng Đức Dũng	Thành viên
Ông Trần Đình Tùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Chiến Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được lập ngày 20 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



W. Xuân Biên

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		454.481.004.943	402.656.685.306
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	27.370.127.236	46.572.168.216
111	1. Tiền		22.870.127.236	31.072.168.216
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.500.000.000	15.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		140.121.922.927	103.904.621.626
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	132.821.344.105	99.351.188.632
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.490.915.426	5.429.166.820
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.279.350.781	4.823.443.019
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.469.687.385)	(5.699.176.845)
140	IV. Hàng tồn kho	9	268.634.165.005	233.784.086.462
141	1. Hàng tồn kho		268.634.165.005	233.784.086.462
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.354.789.775	18.395.809.002
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		18.034.356.543	17.831.509.333
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	320.433.232	564.299.669
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		416.611.382.671	321.600.216.579
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.067.052.000	1.101.052.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.067.052.000	1.101.052.000
220	II. Tài sản cố định		88.049.401.581	99.437.465.434
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	44.078.877.684	50.370.020.168
222	- Nguyên giá		575.576.736.508	576.606.744.522
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(531.497.858.824)	(526.236.724.354)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	40.354.800.875	45.451.722.244
225	- Nguyên giá		59.327.302.852	59.832.807.852
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.972.501.977)	(14.381.085.608)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	3.615.723.022	3.615.723.022
228	- Nguyên giá		3.703.723.022	3.703.723.022
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88.000.000)	(88.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		11.585.173.907	8.901.307.498
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	11.585.173.907	8.901.307.498
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	135.717.853.434	32.039.048.712
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		130.000.000.000	26.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.444.062.358	8.444.062.358
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.726.208.924)	(2.405.013.646)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		180.191.901.749	180.121.342.935
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	180.191.901.749	180.121.342.935
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		871.092.387.614	724.256.901.885

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		518.841.503.448	380.073.425.972
310	I. Nợ ngắn hạn		216.114.739.403	181.346.661.927
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	71.645.551.405	43.479.785.808
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	4.675.624.972	3.233.288.376
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.610.633.900	6.849.052.498
314	4. Phải trả người lao động		10.238.952.034	18.583.896.460
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	7.974.646.403	669.473.271
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	21.090.910
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	4.496.767.574	2.519.451.837
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	102.194.568.018	91.257.288.188
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.277.995.097	14.733.334.579
330	II. Nợ dài hạn		302.726.764.045	198.726.764.045
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	143.500.000.000	143.500.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	146.226.764.045	42.226.764.045
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		13.000.000.000	13.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		352.250.884.166	344.183.475.913
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	351.900.884.166	344.183.475.913
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		280.657.650.000	280.657.650.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.657.650.000	280.657.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.605	3.605
415	3. Cổ phiếu quỹ		(23.970.000)	(23.970.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		39.473.417.045	39.473.417.045
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.793.783.516	24.076.375.263
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.402.354.463	11.580.288.877
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		24.391.429.053	12.496.086.386
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		350.000.000	-
431	1. Nguồn kinh phí	22	350.000.000	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		871.092.387.614	724.256.901.885



Lê Thị Thúy Lan
Người lập



Nguyễn Thanh Tùng
Trưởng phòng TCKT





Mai Chiến Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	449.886.801.637	443.635.317.031
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	1.171.080.197	3.522.034.741
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		448.715.721.440	440.113.282.290
11	4. Giá vốn hàng bán	26	362.823.466.051	344.054.632.242
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		85.892.255.389	96.058.650.048
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	911.170.672	848.349.817
22	7. Chi phí tài chính	28	5.837.272.351	5.355.190.332
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.772.846.270	3.691.446.005
25	8. Chi phí bán hàng	29	21.020.413.889	20.920.628.425
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	29.771.182.631	23.282.263.926
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.174.557.190	47.348.917.182
31	11. Thu nhập khác	31	474.902.309	172.944.069
32	12. Chi phí khác	32	40.915.200	39.183.659
40	13. Lợi nhuận khác		433.987.109	133.760.410
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.608.544.299	47.482.677.592
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	6.121.708.860	9.496.535.518
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.486.835.439	37.986.142.074
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	873	1.895

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Bùi Thị Nga
Người lập

Nguyễn Thanh Tùng
Trưởng phòng TCKT

Mai Chiến Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30.608.544.299	47.482.677.592
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.437.393.853	11.569.251.758
03	- Các khoản dự phòng		1.091.705.818	601.071.240
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		17.867.342	54.946.965
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(801.754.056)	(599.011.586)
06	- Chi phí lãi vay		3.772.846.270	3.691.446.005
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		46.126.603.526	62.800.381.974
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(36.948.547.265)	(32.158.167.409)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(34.850.078.543)	3.263.422.017
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		28.569.707.600	604.200.223
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(70.558.814)	414.254.642
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.782.198.089)	(3.873.621.005)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.452.078.429)	(7.790.133.308)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		350.690.000	729.870.107
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.357.756.170)	(6.820.295.890)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.414.216.184)	17.169.911.351
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.872.758.909)	(539.255.170)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		100.301.287	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(104.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		701.452.769	599.011.586
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(106.071.004.853)	59.756.416
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		228.462.070.008	74.666.020.763
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(107.762.300.298)	(72.916.289.361)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(5.637.784.841)	(5.082.843.044)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.778.862.570)	(275.919.876)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		98.283.122.299	(3.609.031.518)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	
			2017	2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(19.202.098.738)	13.620.636.249
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		46.572.168.216	41.284.330.440
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		57.758	(26.499)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>27.370.127.236</u>	<u>54.904.940.190</u>





Lê Thị Thúy Lan
Người lập

Nguyễn Thanh Tùng
Trưởng phòng TCKT

Mai Chiến Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 280.657.650.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 280.657.650.000 đồng; tương đương 28.065.765 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất sản phẩm công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng năm 2017, do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao nên giá vốn kinh doanh trong kỳ của Công ty tăng 5,46% trong khi doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ chỉ tăng có 1,95% so với chỉ tiêu 6 tháng năm 2016. Điều này là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty giảm 35,5% so với cùng kỳ năm 2016.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Thái Bình	Kinh doanh sản phẩm cao su
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	Kinh doanh sản phẩm cao su
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 - 10 năm |
| - Tài sản cố định khác | 08 - 10 năm |
| - Phần mềm quản lý | 04 năm |
| - Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao | |

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận trước thuế cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán .

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	869.365.500	2.797.322.132
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.000.761.736	28.274.846.084
Các khoản tương đương tiền	4.500.000.000	15.500.000.000
	<u><u>27.370.127.236</u></u>	<u><u>46.572.168.216</u></u>

Tại 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 4.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất là 4,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thương Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	130.000.000.000	-	26.000.000.000	-
- Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn (1)	130.000.000.000	-	26.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	8.444.062.358	(2.726.208.924)	8.444.062.358	(2.405.013.646)
- Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam (2)	8.444.062.358	(2.726.208.924)	8.444.062.358	(2.405.013.646)
	138.444.062.358	(2.726.208.924)	34.444.062.358	(2.405.013.646)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
- Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn (1)	Hà Nội	26,00%	26,00%	Kinh doanh bất động sản
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Sản xuất than cốc
- Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam (2)	Bà Rịa - Vũng Tàu	7,00%	7,00%	

(1) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15/06/2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn. Theo điều khoản chính của hợp đồng, các bên tham gia sẽ góp vốn thành lập Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoàng Sơn" tại 231 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội. Tới thời điểm 30/06/2017, vốn điều lệ của Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn là 500 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng góp 26% vốn điều lệ tương đương với 130 tỷ đồng.

(2) Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/03/2017 của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam. Theo Nghị quyết số 61/NQ-DHĐCĐ ngày 26/04/2016 của Đại hội đồng thường niên Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng năm 2016, Công ty dự định thoái toàn bộ vốn khỏi Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Ô tô TMT - Chi nhánh tại tỉnh Hưng Yên	17.541.416.225	16.692.324.499
- Công ty TNHH Sao Mai Anh	23.199.362.961	20.390.621.368
- Các khoản phải thu khách hàng khác	92.080.564.919	62.268.242.765
	<u>132.821.344.105</u>	<u>99.351.188.632</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>2.755.525.340</u>	<u>1.554.103.760</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH TM & DV Kim Thịnh	2.052.860.220	-	2.090.810.220	-
- Philips Carbon Black LTD	4.389.830.000	-	1.596.000.000	-
- Occidental Chemical Far East	-	-	976.477.200	-
- Posco Daewoo Corporation	1.321.934.500	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	726.290.706	-	765.879.400	-
	<u>8.490.915.426</u>	<u>-</u>	<u>5.429.166.820</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về bảo hiểm	558.141.612	-	593.974.227	-
- Tạm ứng	1.067.564.564	-	295.379.564	-
- Ký cược, ký quỹ	278.000.000	-	400.701.972	-
- Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty CP Philips Carbon	2.966.978.675	-	2.966.978.675	-
- Phải thu về các khoản chi hộ cho Công ty CP Philips Carbon	105.918.500	(105.918.500)	105.918.500	(105.918.500)
- Phải thu tiền điện, nước các đối tượng thuê mặt bằng	258.658.160	-	94.823.030	-
- Phải thu khác	44.089.270	-	365.667.051	-
	<u>5.279.350.781</u>	<u>(105.918.500)</u>	<u>4.823.443.019</u>	<u>(105.918.500)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	1.067.052.000	-	1.101.052.000	-
	1.067.052.000	-	1.101.052.000	-

8 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Hiệu Lốp Minh Nên	653.693.973	-	653.693.973	-
- Công ty CP ô tô An Thái CONECO-Thái Bình	686.000.000	686.000.000	686.000.000	-
- Công ty CP Thương Mại Vượng Nga	1.789.823.358	-	1.789.823.358	-
- Công ty TNHH Phong Lâm	991.205.745	-	991.205.745	-
- Nguyễn Thị Hương	2.355.012.155	1.487.315.974	2.395.416.984	2.063.545.134
- Các khoản khác	2.089.462.367	1.926.370.338	1.392.382.589	145.800.670
	8.565.197.598	4.099.686.312	7.908.522.649	2.209.345.804

(*) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của khoản nợ xấu căn cứ trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về số nợ có thể thu hồi trong tương lai.

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	146.803.777.628	-	143.818.769.078	-
Công cụ, dụng cụ	7.390.615.384	-	7.398.287.811	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.501.122.806	-	3.413.878.175	-
Thành phẩm	103.609.190.528	-	76.382.498.011	-
Hàng hoá	4.738.549.569	-	2.179.744.297	-
Hàng gửi đi bán	590.909.090	-	590.909.090	-
	268.634.165.005	-	233.784.086.462	-

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ là: 67.908.791.186 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	5.769.434.671	5.369.897.762
- Dự án di dời và sản xuất lốp radial (*)	5.435.810.125	5.124.871.398
- Xây dựng nhà kho Chi nhánh Thái Bình	333.624.546	245.026.364
Mua sắm tài sản cố định	2.436.935.636	13.043.636
- Máy luyện hồ	1.794.186.000	-
- Máy ép suất	611.706.000	-
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy	18.000.000	-
- Hệ thống cấp gió mát - chi phí khảo sát	13.043.636	13.043.636
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.378.803.600	3.518.366.100
- Sửa chữa máy luyện kín 370 lít	2.647.745.000	2.647.745.000
- Sửa chữa máy ép đùn xuất tấm	731.058.600	731.058.600
- Chi phí sửa chữa lớn khác	-	139.562.500
	<u>11.585.173.907</u>	<u>8.901.307.498</u>

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0186551460 ngày 13/07/2016 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp cho Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sẽ thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam. Tới thời điểm 30/06/2017, Dự án mới phát sinh các chi phí lập hồ sơ thiết kế, đề án tính khả thi để trình Bộ Công thương phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thương Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	105.520.413.514	433.214.824.812	37.170.094.050	701.412.146	576.606.744.522
- Mua mới trong kỳ	-	48.330.000	-	-	48.330.000
- Tăng từ mua lại tài sản có định thuế tài chính	-	-	506.505.000	-	506.505.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.584.843.014)	-	(1.584.843.014)
Số dư cuối kỳ	105.520.413.514	433.263.154.812	36.091.756.036	701.412.146	575.576.736.508
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	82.000.503.287	409.938.040.282	33.687.066.719	611.114.066	526.236.724.354
- Khấu hao trong kỳ	1.804.332.998	4.316.249.240	349.451.742	32.526.995	6.502.560.975
- Tăng từ mua lại tài sản có định thuế tài chính	-	-	343.416.509	-	343.416.509
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.584.843.014)	-	(1.584.843.014)
Số dư cuối kỳ	83.804.836.285	414.254.289.522	32.795.091.956	643.641.061	531.497.858.824
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	23.519.910.227	23.276.784.530	3.483.027.331	90.298.080	50.370.020.168
Tại ngày cuối kỳ	21.715.577.229	19.008.865.290	3.296.664.080	57.771.085	44.078.877.684

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản có định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.417.124.804 đồng
- Nguyên giá tài sản có định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 414.791.101.198 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	58.029.905.125	1.802.902.727	59.832.807.852
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(505.505.000)	(505.505.000)
Số dư cuối kỳ	58.029.905.125	1.297.397.727	59.327.302.852
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	13.514.771.306	866.314.302	14.381.085.608
- Trích khấu hao	4.799.876.784	134.956.094	4.934.832.878
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(343.416.509)	(343.416.509)
Số dư cuối kỳ	18.314.648.090	657.853.887	18.972.501.977
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	44.515.133.819	936.588.425	45.451.722.244
Tại ngày cuối kỳ	39.715.257.035	639.543.840	40.354.800.875

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.615.723.022	88.000.000	3.703.723.022
Số dư cuối kỳ	3.615.723.022	88.000.000	3.703.723.022
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	88.000.000	88.000.000
Số dư cuối kỳ	-	88.000.000	88.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.615.723.022	-	3.615.723.022
Tại ngày cuối kỳ	3.615.723.022	-	3.615.723.022

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	8.043.866.960	8.514.410.981
Chi phí mua bảo hiểm phòng chống cháy nổ	356.076.000	151.153.125
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	24.001.045	39.810.355
Chi phí thuê đất tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam để thực hiện dự án (*)	169.248.432.522	171.415.968.474
Chi phí sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam	723.691.890	-
Chi phí biển quảng cáo	1.795.833.332	-
	180.191.901.749	180.121.342.935

(*) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng ký kết hợp đồng thuê đất số 17/HĐTĐ-HVPID ngày 18/07/2016 với Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam để thuê lại 212.538 m2 đất tại Lô E, Khu công nghiệp Châu Sơn - Thành phố Phủ Lý - Tỉnh Hà Nam. Thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Thông tin chi tiết về mục đích thuê đất để phục vụ dự án được nêu tại thuyết minh số 37.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	12.134.021.900	12.134.021.900	9.663.031.400	9.663.031.400
Công ty CP Dệt Công nghiệp Hà Nội	14.940.863.413	14.940.863.413	5.171.010.421	5.171.010.421
Công ty TNHH Chế biến CS Đà Nẵng	10.016.355.000	10.016.355.000	1.722.560.000	1.722.560.000
Công ty CP thể thao cao su Phú Riêng	7.064.820.000	7.064.820.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	27.489.491.092	27.489.491.092	26.923.183.987	26.923.183.987
	71.645.551.405	71.645.551.405	43.479.785.808	43.479.785.808
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)				
	282.195.410	282.195.410	2.986.619.000	2.986.619.000

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bộ tư lệnh quân chủng phòng không không quân	797.999.960	-
FOP LITVINCHUK TARAS	683.009.809	-
Công ty Long Vinh (TNHH)	83.399.816	486.135.201
ABU BADER TRADING COMPANY	143.446.691	430.090.288
IRSHAD TAHIR CO,LDT-Afghanistan	617.913.736	363.668.576
Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Dịch vụ Xuân Hương	-	323.754.637
Người mua trả tiền trước khác	2.349.854.960	1.629.639.674
	4.675.624.972	3.233.288.376

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.664.690.295	15.307.119.755	16.686.854.230	-	-	-	1.284.955.820	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	794.331.129	794.331.129	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.309.893.460	6.121.708.860	6.452.078.429	-	-	-	2.979.523.891	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	719.672.074	514.376.574	893.822.459	-	-	-	340.226.189	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	-	35.568.000	29.640.000	-	-	-	5.928.000	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	564.299.669	-	3.791.490.990	3.547.624.553	-	-	320.433.232	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	154.796.669	5.000.000	159.796.669	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.519.819	2.519.819	-	-	-	-	-	-	-	-
	564.299.669	6.849.052.498	26.572.115.127	28.566.667.288	320.433.232	4.610.633.900						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	140.148.181	149.500.000
- Chiết khấu thương mại phải trả	5.006.359.997	-
- Chi phí biển hiệu quảng cáo	1.120.000.000	-
- Chi phí vận chuyển	1.008.674.131	300.000.000
- Chi phí phải trả khác	699.464.094	219.973.271
	<u>7.974.646.403</u>	<u>669.473.271</u>

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	546.690.072	218.643.118
- Bảo hiểm xã hội	862.526.573	1.129.480
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	993.607.200	456.107.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	968.886.341	909.728.111
- Quỹ xã hội	622.794.332	325.554.950
- Quỹ quốc phòng toàn dân	99.940.235	48.050.235
- Lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa	244.528.899	244.528.899
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	157.793.922	315.709.844
	<u>4.496.767.574</u>	<u>2.519.451.837</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	143.500.000.000	143.500.000.000
	<u>143.500.000.000</u>	<u>143.500.000.000</u>

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn hỗ trợ kinh phí để Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng di dời Nhà máy về Khu công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam: 435 tỷ đồng chưa bao gồm các loại thuế, chia thành 4 lần chuyển tiền, thực hiện trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018. Tới thời điểm 30/06/2017, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn đã chuyển 02 đợt cho Công ty số tiền tương ứng là 143.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữ:**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	76.763.680.393	76.763.680.393	122.473.838.821	105.551.344.157	93.686.175.057	93.686.175.057
- Vay ngân hàng (1)	68.792.556.939	68.792.556.939	119.462.215.677	102.400.382.827	85.854.389.789	85.854.389.789
- Vay cá nhân (2)	7.971.123.454	7.971.123.454	3.011.623.144	3.150.961.330	7.831.785.268	7.831.785.268
Nợ dài hạn đến hạn trả	14.493.607.795	14.493.607.795	2.052.570.007	8.037.784.841	8.508.392.961	8.508.392.961
- Vay ngân hàng (3)	2.184.841.200	2.184.841.200	2.045.008.200	2.400.000.000	1.829.849.400	1.829.849.400
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả (4)	12.308.766.595	12.308.766.595	7.561.807	5.637.784.841	6.678.543.561	6.678.543.561
	91.257.288.188	91.257.288.188	124.526.408.828	113.589.128.998	102.194.568.018	102.194.568.018
b) Vay dài hạn						
- Vay ngân hàng (3)	2.184.841.200	2.184.841.200	2.045.008.200	2.400.000.000	1.829.849.400	1.829.849.400
- Nợ thuế tài chính dài hạn (4)	28.535.530.640	28.535.530.640	7.561.807	5.637.784.841	22.905.307.606	22.905.307.606
- Công ty CP Tập đoàn Hoàng Sơn (5)	26.000.000.000	26.000.000.000	104.000.000.000	-	130.000.000.000	130.000.000.000
	56.720.371.840	56.720.371.840	106.052.570.007	8.037.784.841	154.735.157.006	154.735.157.006
Kh khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(14.493.607.795)	(14.493.607.795)	(2.052.570.007)	(8.037.784.841)	(8.508.392.961)	(8.508.392.961)
Kh khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	42.226.764.045	42.226.764.045			146.226.764.045	146.226.764.045

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(1) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng ngắn hạn:

- (a) Hợp đồng tín dụng số 10.11.17.008 ngày 03 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng;
 - + Loại tiền vay: Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su;
 - + Thời hạn cho vay: 6 tháng, đối với các khoản vay thanh toán LC trả chậm thì (thời hạn vay và thời hạn trả chậm) không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển bao gồm: Lốp xe đạp, xe máy, ô tô, máy bay, curoa, băng tải, vải màn...;
 - + Số dư tiền vay tại 30/06/2017 là 16.475.396.098 VND và 375.235,00 USD (tương đương 8.551.605.650 VND).
- (b) Hợp đồng tín dụng số 118-2016/HĐTĐ/NHCT126 ngày 24 tháng 08 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 170.000.000.000 đồng;
 - + Loại tiền vay: Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh săm, lốp và các sản phẩm từ cao su;
 - + Thời hạn cho vay: được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể;
 - + Số dư tiền vay tại 30/06/2017 là 24.123.634.944 VND và 492.575,1 USD (tương đương với 11.215.935.027 VND).
- (c) Hợp đồng tín dụng số 11/2016-HĐTĐHM/NHCT260-SRC ngày 30 tháng 08 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh săm, lốp và các sản phẩm từ cao su;
 - + Thời hạn cho vay: không vượt quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể;
 - + Số dư tiền vay tại 30/06/2017 là 25.487.818.070 VND.

(2) Khoản tiền vay của các cá nhân là cán bộ công nhân viên trong Công ty với thời gian dưới 12 tháng, lãi suất 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

- (3) Hợp đồng tín dụng số 119-2016/HĐTD/NHCT126 ngày 24 tháng 08 năm 2016 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 30,5 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: thanh toán các khoản chi phí hợp pháp, hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư máy móc thiết bị theo kế hoạch đầu tư năm 2016-2017;
 - + Thời hạn cho vay: 40 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu;
 - + Lãi suất cho vay: căn cứ theo từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được quy định cụ thể tại các hợp đồng bảo đảm ký kết giữa bên cho vay và bên vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017 là 1.829.849.400 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm 2017 là 1.829.849.400 đồng.
- (4) Tại 30/06/2017, khoản nợ thuê tài chính dài hạn bao gồm 22 hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với các thông tin như sau:
- + Số tiền cho thuê: 22.905.307.606 VND;
 - + Mục đích vay: sử dụng tài sản thuê phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: 48 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất từng lần thông báo của bên cho vay;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Ký cược số tiền 1.345.052.000 đồng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017 là 22.905.307.606 VND, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tiếp theo là 6.678.543.561 VND.
- (5) Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn được sử dụng để góp vốn điều lệ tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay 0%/năm, hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp, số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2017 là 130.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thương Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND					VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2016	200.474.150.000	200.474.150.000	3.605	6.457.920.487	(15.400.000)	71.130.644.517	54.356.089.231	332.403.407.840	
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	37.986.142.074	37.986.142.074	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(14.032.112.500)	(14.032.112.500)	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	22.297.648.306	(22.297.648.306)	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(6.446.039.548)	(6.446.039.548)	
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(51.000.000)	(51.000.000)	
Tiền phạt chậm nộp và truy thu thuế	-	-	-	-	-	-	(222.571.813)	(222.571.813)	
Số dư tại ngày 30/06/2016 (*)	200.474.150.000	200.474.150.000	3.605	6.457.920.487	(15.400.000)	93.428.292.823	49.292.859.138	349.637.826.053	
Số dư tại ngày 01/01/2017	280.657.650.000	280.657.650.000	3.605	-	(23.970.000)	39.473.417.045	24.076.375.263	344.183.475.913	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	24.486.835.439	24.486.835.439	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(16.838.020.800)	(16.838.020.800)	
Giảm quỹ thưởng năm 2016 của Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(84.000.000)	(84.000.000)	
Tiền phạt chậm nộp và truy thu thuế	-	-	-	-	-	-	(11.406.386)	(11.406.386)	
Số dư tại ngày 30/06/2017	280.657.650.000	280.657.650.000	3.605	-	(23.970.000)	39.473.417.045	31.793.783.516	351.900.884.166	

(*) Số liệu được điều chỉnh lại theo Biên bản thanh tra thuế do Cục thuế tỉnh Thái Bình tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế năm 2015 tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (Chi nhánh Thái Bình).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Theo Nghị quyết số 68/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2017 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tham chiếu	Số tiền VND
Vốn điều lệ Công ty đến 31/12/2016	(1)	280.657.650.000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối các năm trước	(2)	11.580.288.877
Lợi nhuận phát sinh năm 2016	(3)	82.841.146.995
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (3 x 20%)	(3.1)	16.568.229.399
Các khoản trừ vào lợi nhuận sau thuế	(3.2)	370.571.813
Lợi nhuận còn lại	(3.3) = (3) - (3.1) - (3.2)	65.902.345.783
Trích các quỹ (*):	(3.4)	25.178.891.397
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (30%)		19.770.703.735
- Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành		136.000.000
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (8%)		5.272.187.662
Lợi nhuận còn lại chia cổ tức cho cổ đông	(4) = (2) + (3.3) - (3.4)	52.303.743.263
Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt tháng 12 năm 2016 (10% vốn điều lệ) (**)	(5)	28.063.368.000
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (6% vốn điều lệ)	(6)	16.838.020.800
Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau	(7) = (4) - (5) - (6)	7.402.354.463

(*) Công ty thực hiện trích lập các quỹ vào Báo cáo tài chính năm 2016 theo Biên bản Hội đồng quản trị số 12/BB-HĐQT ngày 17/01/2017.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 146/NQ-HĐQT ngày 15/11/2016, Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	51,00%	143.139.150.000	51,00%	143.139.150.000
Các cổ đông khác	48,99%	137.494.530.000	48,99%	137.494.530.000
Cổ phiếu quỹ	0,01%	23.970.000	0,01%	23.970.000
	100%	280.657.650.000	100%	280.657.650.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	280.657.650.000	200.474.150.000
- Vốn góp đầu kỳ	280.657.650.000	200.474.150.000
- Vốn góp cuối kỳ	280.657.650.000	200.474.150.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.838.020.800	14.032.112.500
- Cổ tức lợi nhuận còn lại của năm 2015 chia trong 6 tháng đầu năm 2016 (một phần cổ tức của năm 2015 đã tạm ứng trong tháng 12 năm 2015)	-	14.032.112.500
- Cổ tức lợi nhuận còn lại của năm 2016 chia trong 6 tháng đầu năm 2017 (một phần cổ tức của năm 2016 đã tạm ứng trong tháng 12 năm 2016)	16.838.020.800	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

d) Cổ phiếu

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.065.765	28.065.765
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.065.765	28.065.765
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.065.765	28.065.765
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	2.397	2.397
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.397	2.397
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.063.368	28.063.368
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.063.368	28.063.368
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	39.473.417.045	39.473.417.045
	<u>39.473.417.045</u>	<u>39.473.417.045</u>

22 . NGUỒN KINH PHÍ

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cấp tổng kinh phí để thực hiện đề tài nghiên cứu công nghệ chế tạo lốp xe đạp, xe máy lõi đặc. Tới thời điểm 30/06/2017, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã cấp đợt 1 là 350 triệu đồng.

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	7.093,05	2.403,64

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	2.483.408.284	2.472.823.344
- Trong đó, nợ khó đòi đã xử lý khi cổ phần hóa là:	993.764.271	993.764.271

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	443.281.188.009	433.684.805.937
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.104.761.842	7.965.879.179
Doanh thu bán vật tư	500.851.786	1.984.631.915
	<u>449.886.801.637</u>	<u>443.635.317.031</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan	<u>4.648.125.179</u>	<u>3.764.916.000</u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)		

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.171.080.197	3.522.034.741
	<u>1.171.080.197</u>	<u>3.522.034.741</u>

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	361.892.877.826	341.819.866.420
Giá vốn của hàng hóa đã bán	534.750.000	718.700.544
Giá vốn của vật tư đã bán	395.838.225	1.516.065.278
	<u>362.823.466.051</u>	<u>344.054.632.242</u>

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	401.452.769	299.011.586
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	209.717.903	249.338.231
Lợi nhuận phân chia trước thuế từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	300.000.000	300.000.000
	<u>911.170.672</u>	<u>848.349.817</u>

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.772.846.270	3.691.446.005
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.660.698.000	1.212.952.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	64.665.461	142.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	17.867.342	54.946.965
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	321.195.278	395.703.354
	<u>5.837.272.351</u>	<u>5.355.190.332</u>

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.042.931.595	1.871.849.316
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.315.905.774	6.748.197.971
Chi phí quảng cáo	3.770.139.618	2.403.226.432
Chi phí khuyến mại	5.853.015.336	8.301.854.867
Chi phí bán hàng khác	1.038.421.566	1.595.499.839
	<u>21.020.413.889</u>	<u>20.920.628.425</u>

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	14.443.101.789	12.198.448.864
Thuế, phí, lệ phí	4.516.842.284	4.387.339.406
Chi phí dự phòng	781.095.480	205.367.886
Chi phí khác	10.030.143.078	6.491.107.770
	29.771.182.631	23.282.263.926

31 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	100.301.287	-
Thu nhập khác	374.601.022	172.944.069
	474.902.309	172.944.069

32 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt chậm nộp bảo hiểm	-	7.720.488
Chi phí khác	40.915.200	31.463.171
	40.915.200	39.183.659

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.608.544.299	47.482.677.592
Thu nhập chịu thuế TNDN	30.608.544.299	47.482.677.592
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.121.708.860	9.496.535.518

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	24.486.835.439	37.986.142.074
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	24.486.835.439	37.986.142.074
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	28.063.368	20.045.875
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	873	1.895

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	320.514.274.051	277.740.488.850
Chi phí nhân công	55.509.999.938	54.616.694.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.437.393.853	11.569.251.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.398.284.256	17.086.070.975
Chi phí khác bằng tiền	44.663.789.501	33.120.399.197
	449.523.741.599	394.132.905.543

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.370.127.236	-	46.572.168.216	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	139.167.746.886	(6.469.687.385)	105.275.683.651	(5.699.176.845)
Đầu tư dài hạn	8.444.062.358	(2.726.208.924)	8.444.062.358	(2.405.013.646)
	174.981.936.480	(9.195.896.309)	160.291.914.225	(8.104.190.491)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	248.421.332.063	133.484.052.233
Phải trả người bán, phải trả khác	219.642.318.979	189.499.237.645
Chi phí phải trả	7.974.646.403	669.473.271
	476.038.297.445	323.652.763.149

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.370.127.236	-	-	27.370.127.236
Phải thu khách hàng, phải thu khác	131.631.007.501	1.067.052.000	-	132.698.059.501
Đầu tư dài hạn	-	-	5.717.853.434	5.717.853.434
	159.001.134.737	1.067.052.000	5.717.853.434	165.786.040.171
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.572.168.216	-	-	46.572.168.216
Phải thu khách hàng, phải thu khác	98.475.454.806	1.101.052.000	-	99.576.506.806
Đầu tư dài hạn	-	-	6.039.048.712	6.039.048.712
	145.047.623.022	1.101.052.000	6.039.048.712	152.187.723.734

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	102.194.568.018	146.226.764.045	-	248.421.332.063
Phải trả người bán, phải trả khác	76.142.318.979	143.500.000.000	-	219.642.318.979
Chi phí phải trả	7.974.646.403	-	-	7.974.646.403
	<u>186.311.533.400</u>	<u>289.726.764.045</u>	<u>-</u>	<u>476.038.297.445</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	91.257.288.188	42.226.764.045	-	133.484.052.233
Phải trả người bán, phải trả khác	45.999.237.645	143.500.000.000	-	189.499.237.645
Chi phí phải trả	669.473.271	-	-	669.473.271
	<u>137.925.999.104</u>	<u>185.726.764.045</u>	<u>-</u>	<u>323.652.763.149</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . THÔNG TIN KHÁC

(1) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15/06/2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoàn Sơn". Tới thời điểm 30/06/2017, dự án vẫn đang tiếp tục thực hiện ở giai đoạn 1 là hoàn thành thủ tục pháp lý.

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0186551460 ngày 13/07/2016 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp cho Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sẽ thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam. Tới thời điểm 30/06/2017, Dự án mới phát sinh các chi phí lập hồ sơ thiết kế, đề án tính khả thi để trình Bộ Công thương phê duyệt.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty là sản xuất và bán các loại sản phẩm từ cao su do công ty tự sản xuất. Do đó, công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	62.189.897.278	253.114.819.104	68.175.626.775	65.235.378.283	448.715.721.440
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	871.092.387.614
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	2.872.758.909	-	-	2.872.758.909

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2017	2016
		VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.648.125.179	3.764.916.000
Công ty CP SUPE Phốt phát và Hoá Chất Lâm thao	Cùng tập đoàn	454.000.000	752.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên APATIT Việt Nam	Cùng tập đoàn	2.344.650.000	1.581.000.000
Công ty CP DAP VINACHEM	Cùng tập đoàn	985.115.179	98.800.000
Công ty CP Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Cùng tập đoàn	99.000.000	147.528.000
Công ty CP Phân Lân Ninh Bình	Cùng tập đoàn	170.000.000	316.100.000
Công ty CP Hoá chất Việt Trì	Cùng tập đoàn	522.960.000	707.402.000
Công ty CP DAP số 2 - VINACHEM	Cùng tập đoàn	72.400.000	162.086.000
Mua hàng hóa và dịch vụ		12.600.000	-
Công ty CP Cao su Đà Nẵng	Cùng tập đoàn	12.600.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		2.755.525.340	1.554.103.760
Công ty CP SUPE Phốt phát và Hoá Chất Lâm thao	Cùng tập đoàn	268.400.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên APATIT Việt Nam	Cùng tập đoàn	1.297.065.000	540.650.000
Công ty CP DAP VINACHEM	Cùng tập đoàn	521.638.740	162.572.960
Công ty CP Hoá chất Việt Trì	Cùng tập đoàn	175.648.000	358.107.200
Công ty CP DAP số 2 - VINACHEM	Cùng tập đoàn	492.773.600	492.773.600
Phải trả người bán ngắn hạn		282.195.410	2.986.619.000
Công ty CP Thiết kế CN Hóa chất	Cùng tập đoàn	282.195.410	2.986.619.000
Phải trả khác		244.528.899	244.528.899
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	244.528.899	244.528.899

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	891.649.337	1.276.776.361

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Nhân Tâm Việt kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Nhân Tâm Việt soát xét. Trong đó, một số chỉ tiêu được trình bày lại phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC. Cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu tại	Số liệu tại	Chênh lệch	Ghi chú
		01/01/2017 trước điều chỉnh VND	01/01/2017 sau điều chỉnh VND		
Bảng cân đối kế toán					
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	34.444.062.358	26.000.000.000	(8.444.062.358)	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	8.444.062.358	8.444.062.358	(*)

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam được phân loại và trình bày lại do tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Công ty này là 7%.



Lê Thị Thúy Lan
Người lập

Nguyễn Thanh Tùng
Trưởng phòng TCKT

Mai Chiến Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

